TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NL** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2020/HS-ST
Ngày 21 - 12 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NL TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Biên

Ông Nguyễn Quốc Minh

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NL, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà **H**g Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 32/2020/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Phạm Văn **S**; sinh ngày 26 tháng 5 năm 2001; tại huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Khu phố **CX**, thị trấn **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm văn **H**; con bà: Phạm Thị **T**; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/9/2020 đến ngày 02/10/2020, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/10/2020 đến nay. Có mặt.

- Bị hại: Chị Phạm Thị Hà; sinh năm: 1975; nơi cư trú: Khu phố **CX**, thị trấn **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng:

1. Anh Phạm Văn **Đ**; sinh năm: 2002; nơi cư trú: Khu phố **CX**, thị trấn **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

2. Anh Phạm Văn **H**; sinh năm: 1992; nơi cư trú: Thôn 3, xã Ngọc Liên, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ ngày 22/9/2020, Phạm Văn **S**, ở khu phố **CX**, thị trấn **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá, đi bộ từ nhà ở của mình đến gia đình chị Phạm Thị Hà, sinh năm 1975, cư trú tại khu phố **CX**, thị trấn **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá, để hỏi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu **S** đen – bạc, loại xe SIRIUS, BKS: 36B3-194.79 để đi giải quyết việc cá nhân. Khi Phạm Văn **S** đến nhà chị Hà thì gặp anh Phạm Văn **Đ**, (là con trai chị Hà), **S** hỏi anh **Đ** mượn chiếc xe mô tô của gia đình đang dựng ngay sân trước nhà nhưng anh **Đ** không đồng ý, **S** nhìn thấy chìa khóa xe đang được cắm ngay ở ổ khóa điện. Khoảng 5 phút sau, lợi dụng lúc anh Phạm Văn **Đ** đang mãi mê chơi điện thoại không để ý nên **S** đã lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô nêu trên ra khỏi cổng nhà gần đường liên thôn, **S** lên xe mở chìa khóa điện nổ máy đi thẳng ra khu phố 1, thị trấn **NL** để bán xe nhưng không bán được, sau đó **S** điều khiển xe mô tô đi đến xã Ngọc Liên, huyện **NL** bán chiếc xe mô tô mà **S** vừa trộm cắp được cho anh Phạm Văn **H**, sinh năm 1992 ở thôn 3, xã Ngọc Liên, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá với giá 1.000.000đ và dùng số tiền đó để chi tiêu cá nhân. Đến 13 giờ, ngày 23 tháng 9 năm 2020, nhận thấy hành vi của mình là sai trái nên Phạm Văn **S** đã đến Công an huyện **NL** đầu thú và thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 29/KL-HĐĐG ngày 30/9/2020 của Hội **Đ** định giá tài sản Ủy ban nhân dân huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá kết luận: chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu **S** đen – bạc, loại xe SIRIUS, BKS: 36B3-194.79 có giá trị tại thời điểm bị mất trộm là: 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKSNL ngày 19 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Phạm Văn **S** về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS để xử phạt Phạm Văn **S** mức án từ 08 tháng đến 11 tháng tù, bị cáo được trừ thời gian tạm giữ vào thời gian chấp hành hình phạt.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản nào có giá trị, không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét.

Anh Phạm Văn **H** không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã bỏ ra để mua lại chiếc xe mô tô nên đề nghị không xem xét.

Về vật chứng: Đã được xử lý trong giai đoạn điều tra nên đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 22/9/2020, bị

cáo đi bộ từ nhà ở của mình đến nhà chị Hà để hỏi mượn chiếc xe mô tô để đi giải quyết việc cá nhân. Khi bị cáo đến nhà chị Hà thì gặp anh **Đ**, bị cáo hỏi anh **Đ** mượn chiếc xe mô tô của gia đình đang dựng ngay sân trước nhà nhưng anh **Đ** không **Đ** ý, bị cáo nhìn thấy chìa khóa xe đang được cắm ngay ở ổ khóa điện. Khoảng 5 phút, lợi dụng lúc anh **Đ** đang mãi mê chơi điện thoại không để ý nên bị cáo đã lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô ra khỏi cổng nhà gần đường liên thôn, bị cáo lên xe mở chìa khóa điện nổ máy đi thẳng ra khu phố 1, thị trấn **NL** để bán xe nhưng không bán được, sau đó bị cáo điều khiển xe mô tô đi đến xã Ngọc Liên, huyện **NL** bán chiếc xe mô tô mà bị cáo vừa trộm cắp được cho anh Phạm Văn **H** với giá 1.000.000đ và dùng số tiền đó để chi tiêu cá nhân.

Trong quá trình điều tra, bị hại chị Phạm Thị **H** trình bày: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 22/9/2020, khi chị đang ngủ ở nhà thì con trai chị là Phạm Văn **Đ** gọi dậy, báo chiếc xe mô tô BKS 36B3-194.79 của gia đình đã bị mất. Gia đình đã tổ chức đi tìm nhưng không được. Sau đó, chị lên công an trình báo sự việc. Chị đã được nhận lại chiếc xe mô tô và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Trong quá trình điều tra, người làm chứng anh Phạm Văn **Đ**, anh Phạm Văn **H** đều thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng đã truy tố bị cáo.

Anh Phạm Văn **H** không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã bỏ ra để mua lại chiếc xe mô tô nêu trên.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội **Đ** xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người làm chứng; vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 22/9/2020, Phạm Văn **S** lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của gia đình chị Phạm Thị **H**, quan sát thấy không có ai để ý, bị cáo đã lấy trộm chiếc xe mô tô BKS 36B3-194.79, nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS, màu **S** đen – bạc. Tài sản tại thời điểm bị cáo trộm cắp có giá trị: 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm ngàn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi phạm vào khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có 03 tình tiết giảm nhẹ như sau: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo đầu thú đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có

cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Tuy nhiên, theo báo cáo của Trưởng Khu phố **CX** và Công an thị trấn **NL**, bị cáo là đối tượng thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú không rõ lý do, không chịu lao động, có biểu hiện trộm cắp vặt ở khu phố, có mối quan hệ phức tạp với các đối tượng nghiện trên địa bàn. Ngoài ra, bị cáo cũng tự nhận mình là người nghiện ma tuý, mục đích bị cáo trộm cắp tài sản là để sử dụng trái phép chất ma tuý. Bị cáo đang ở độ tuổi lao động nhưng lại lười lao động và thích thụ hưởng những vật chất mà không phải do bản thân mình tự tạo ra, để có tiền chi tiêu cho bản thân mà đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn. Nên cần xét xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, **Đ** thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Thời gian bị cáo bị tạm giữ sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản nào có giá trị, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản do bị cáo trộm cắp, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Anh Phạm Văn **H** không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền đã bỏ ra để mua lại chiếc xe mô tô nên không xem xét.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu **S** đen – bạc, loại xe SIRIUS, BKS: 36B3-194.79. Sau khi định giá tài sản trộm cắp, đã trả lại cho chị Phạm Thị **H** là chủ sở hữu hợp pháp là đúng quy định của pháp luật.

[8] Đối với hành vi của Phạm Văn **H**, là người đã mua chiếc xe mà Phạm Văn **S** trộm cắp được, trong khi mua xe anh **H** không biết tài sản **S** bán cho mình là tài sản trộm cắp. Do vậy, hành vi của anh **H** không có dấu hiệu tội phạm hình sự nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện **NL**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện **NL**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn **S** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Phạm Văn **S** 08 (Tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày đi thi hành án, được trừ 09 (Chín) ngày bị tạm giữ từ trước (từ ngày 23/9/2020 đến ngày 02/10/2020).

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: bị cáo Phạm Văn **S** phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo; vắng mặt bị hại. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- CQĐT CA huyện **NL**;
- CQTHAHS CA huyện **NL**;
- VKSND huyện **NL**;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Tân

HỘI Đ XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Minh **Phạm Ngọc Biên** **Nguyễn Thanh Tân**